

Số: 04/2018/NQ-HĐND

Long Thành, ngày 13 tháng 7 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi**  
**ngân sách địa phương năm 2018 (đợt 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**  
**KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 4439/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của HĐND huyện Long Thành khóa XI kỳ họp thứ 6 về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp dưới năm 2018;*

*Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 29/6/2018 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2018 (đợt 1); nội dung báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Xã hội HĐND huyện và tổng hợp ý kiến thảo luận của các đại biểu tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 29/6/2018 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2018 (đợt 1), cụ thể như sau:

<b>A-Tổng số bổ sung dự toán thu NSDP (I+II):</b>	<b>7.838.396.459 đồng.</b>
I- Nguồn NS tập trung tỉnh hỗ trợ (40% vốn XHH):	5.520.000.000 đồng.
II- Nguồn vay từ nguồn bội chi ngân sách tỉnh hoàn trả giai đoạn 2019-2020:	2.318.396.459 đồng.
<b>B- Tổng số bổ sung dự toán chi NSDP (I+II+III+IV):</b>	<b>13.570.349.647 đồng.</b>
I- Chi đầu tư XDCB:	2.318.396.459 đồng.
- Nguồn vay từ nguồn bội chi ngân sách tỉnh hoàn trả giai đoạn 2019-2020:	2.318.396.459 đồng.

<b>II- Chi thường xuyên (cấp huyện):</b>	<b>5.500.353.188 đồng.</b>
1/ Chi Quản lý nhà nước:	2.156.699.918 đồng.
2/ Đảng- đoàn thể:	2.064.552.770 đồng.
3/ Chi an ninh:	553.216.000 đồng.
4/ Chi quốc phòng:	663.567.000 đồng.
5/ Chi khác:	62.317.500 đồng.
<b>III- Chi bổ sung có mục tiêu NS cấp xã:</b>	<b>231.600.000 đồng.</b>

**IV- Chi bổ sung có mục tiêu NS cấp xã từ nguồn NS tập trung tỉnh hỗ trợ (40% vốn XHH):** **5.520.000.000 đồng.**

**C. Điều chỉnh bổ sung dự toán chi quản lý nhà nước và giảm dự toán chi sự nghiệp kinh tế khác năm 2018 với tổng số tiền là:** **1.406.967.121 đồng.**

*(Đính kèm biểu tổng hợp chi tiết).*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao cho Ủy ban nhân dân huyện căn cứ các quy định của pháp luật về lĩnh vực tài chính, Luật ngân sách nhà nước hiện hành tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện, nếu có nhiệm vụ chi phát sinh ngoài dự toán điều chỉnh nhưng không thể trì hoãn, UBND huyện báo cáo Thường trực HĐND huyện thống nhất xử lý và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

Giao UBND điều hành nhiệm vụ thu chi ngân sách nhà nước năm 2018 theo đúng Luật ngân sách nhà nước và gắn với Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các vị đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Long Thành khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2018./.

### **Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- VP.HĐND; VP. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT.HU, TT.HĐND, UBND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- UB.MTTQ huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- VP.HĐND-UBND huyện;
- Phòng VH TT (trang thông tin điện tử);
- Viện KSNĐ, TAND, CCTHA huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu.

**CHỦ TỊCH**



**Ngô Thế Ân**



**TỔNG HỢP BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH  
HUYỆN LONG THÀNH NĂM 2018 (ĐỢT 1)**

(Đính kèm Nghị quyết số: 04 /2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND huyện)

ĐVT: đồng

STT	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
<b>A</b>	<b>KHỐI HUYỆN</b>	<b>7.138.920.309</b>	
<b>I</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>	<b>3.795.267.039</b>	
1	VP HĐND - UBND huyện	1.494.302.695	
2	Phòng Nội vụ	1.808.230.000	
3	Phòng Văn hóa thông tin	81.400.000	
4	Phòng Tài nguyên môi trường	6.100.000	
5	Thanh tra huyện	31.997.000	
6	Phòng Tư pháp	149.500.000	
7	Phòng Tài chính - KH	54.257.344	
8	Phòng Quản lý Đô thị	11.000.000	
9	Phòng Dân tộc	158.480.000	
<b>II</b>	<b>ĐẢNG - ĐOÀN THỂ</b>	<b>2.064.552.770</b>	
1	Văn phòng huyện ủy	1.749.963.770	
2	UBMTTQ huyện	64.279.000	
2	Huyện Đoàn	143.825.000	
3	Hội Khuyến học	13.435.000	
4	Hội người cao tuổi	5.000.000	

STT	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
5	Hội nông dân	88.050.000	
III	AN NINH	553.216.000	
IV	QUỐC PHÒNG	663.567.000	
V	CHI KHÁC	62.317.500	
B	KHỐI XÃ	231.600.000	
<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>		<b>7.370.520.309</b>	

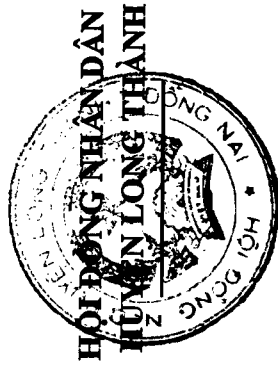
THUYẾT MINH BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH  
HUYỆN LONG THÀNH NĂM 2018 (ĐỢT 1)  
(Đính kèm Nghị quyết số: 04 /2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND huyện)

Đơn: đồng

SIT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		3.795.267.039	
		Cộng:	1.494.302.695	
		Hoạt động HĐND huyện năm 2018	999.725.000	
		Hoạt động chung của huyện	300.000.000	
		Hoạt động bộ phận 01 cửa huyện	100.000.000	
1	VĂN PHÒNG HĐND-UBND HUYỆN	KP bộ phận tiếp công dân	28.800.000	
		Hợp đồng công tác Đảng	17.917.380	
		Bảo hiểm cháy nổ tự sở	46.660.315	
		Hỗ trợ CB làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính	1.200.000	
		Cộng	1.808.230.000	
2	PHÒNG NỘI VỤ	Kinh phí tổ chức Hội nghị tổng kết công tác Cải cách hành chính năm 2017	4.800.000	
		Hội nghị tổng kết công tác CCHC 2017	3.300.000	
		Trang bị tài sản phục vụ công tác khen thưởng bị hư hỏng do thiên tai	49.830.000	
		Bổ sung kinh phí Tôn giáo năm 2018	150.300.000	
		Khen thưởng	1.600.000.000	
		Cộng	6.100.000	
3	PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MT	Kinh phí phục vụ Hội nghị tổng kết công tác tài nguyên và môi trường năm 2017	6.100.000	
		Cộng	81.400.000	
		Hoạt động Đội 814 Quy 1,2/2018	62.400.000	
		Kinh phí thuê xe	6.000.000	
4	PHÒNG VĂN HÓA THÔNG TIN	Kinh phí tập huấn chứng thư số	8.000.000	
		Kinh phí tập huấn di sản văn hóa phi vật thể	2.500.000	
		Kinh phí giao lưu các câu lạc bộ "nam giới nói không với bạo lực gia đình"	2.500.000	

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
5	THANH TRA HUYỆN	Kinh phí may đồng phục thanh tra năm 2018	31.997.000	
		Cộng	31.997.000	
6	PHÒNG TƯ PHÁP	Kinh phí chứng thực Q4/2017 và Q1/2018	49.500.000	
		Kinh phí tập huấn tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trực tuyến và tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật năm 2018	100.000.000	
		Cộng	54.257.344	
			9.450.000	
7	PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH	Kinh phí thuê xe đi tập huấn chế độ kế toán HCSN theo TT107	9.400.000	
		Kinh phí cước sử dụng và bảo trì kênh truyền Tabmis của năm 2018	30.607.344	
		Kinh phí thuê xe đi tập huấn cán bộ bán chuyên trách KTTT năm 2018	4.800.000	
		Cộng	11.000.000	
8	PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ	Tổ chức hội nghị triển khai Nghị định số 139/2017/NĐ-CP	11.000.000	
		Cộng	158.480.000	
9	PHÒNG DÂN TỘC	Kinh phí hỗ trợ Lễ cúng nhang rừng, Ramada, Hiến tế của đồng bào dân tộc thăm hỏi tặng quà người có uy tín Tết nguyên đán 2018	7.000.000	
		Kinh phí tham gia ngày hội VH-TT các dân tộc thiểu số tỉnh Đồng Nai năm 2018	146.480.000	
II	ĐẢNG - ĐOÀN THỂ	Kinh phí thuê xe tập huấn công tác dân tộc	5.000.000	
		Cộng	2.064.552.770	
10	VĂN PHÒNG HUYỆN ỦY	Bổ sung kinh phí cho cấp ủy	1.749.963.770	
		Cộng	64.279.000	
	ỦY BAN MTTQ HUYỆN	Kinh phí sửa xe và hỗ trợ sinh hoạt phí cho Ủy viên UBMTTQ	64.279.000	
		Cộng	143.825.000	
11	HUYỆN ĐOÀN	Kinh phí sinh hoạt hè, tổ chức tháng thanh niên năm 2018	100.000.000	
		Hoạt động mừng Đảng, mừng xuân Mậu Tuất 2018	43.825.000	
12	HỘI KHUYẾN HỌC	Cộng	13.435.000	
		Kinh phí tổ chức tập huấn giai đoạn 2 Đề án "Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị học tập đến năm 2020"	13.435.000	
13	HỘI NGƯỜI CAO TUỔI	Cộng	5.000.000	
		Kinh phí thuê xe đi tham dự kỷ niệm 77 năm ở tỉnh	5.000.000	
14	HỘI NÔNG DÂN	Kinh phí tổ chức họp mặt kỷ niệm 77 năm ngày truyền thống Người cao tuổi VN	88.050.000	
		Cộng	88.050.000	
		Dại hội BCH Hội Nông dân	88.050.000	

STT	Tên đơn vị	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
III	AN NINH	Cộng	553.216.000	
15	CÔNG AN HUYỆN	Kinh phí thực hiện kế hoạch tổ chức giao nhận quân năm 2018	39.880.000	
16	PHÒNG CS PCCC SỐ 6	Phụ cấp Ban ATGT huyện	412.400.000	
IV	QUỐC PHÒNG	Hỗ trợ kinh phí phổ biến pháp luật và huấn luyện nghiệp vụ PCCC & CHCN	100.936.000	
17	BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ	Cộng	663.567.000	
V	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC	Kinh phí phục vụ công tác tuyển quân năm 2018	663.567.000	
18	TRUNG TÂM DÂN SỐ VÀ KHHGD	Kinh phí hỗ trợ cho chiến dịch truyền thông dân số KHHGD	62.317.500	
19	CHI CỤC THUẾ	Hỗ trợ kinh phí hoạt động xử lý vi phạm hành chính về thuế	10.000.000	
20	LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG HUYỆN	Kinh phí tổ chức cho công nhân về quê ăn tết cổ truyền 2018	32.317.500	
<b>TỔNG CỘNG:</b>			20.000.000	
			7.138.920.309	



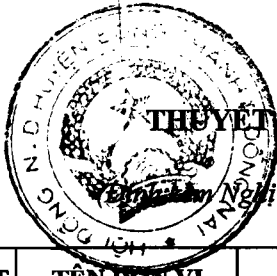
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI**  
**NĂM 2018 (ĐỢT 1) CỦA NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN**  
(Đính kèm Nghị quyết số : 04 /2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND huyện)

ĐVT : đồng

STT	Tên đơn vị	Số tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</b>	<b>210.000.000</b>	
1	Hội trại tổng quán	105.000.000	
2	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	105.000.000	
<b>II</b>	<b>CÁC HỘI - ĐOÀN THỂ ÁP</b>	<b>21.600.000</b>	
1	Kiện toàn thêm 6 tổ nhân dân trên địa bàn xã theo QĐ 59/QĐ-UBND	21.600.000	
	<b>TỔNG CỘNG KHỐI XÃ</b>	<b>231.600.000</b>	





**THUYẾT MINH BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NĂM 2018 (ĐỢT 1)  
CỦA NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN**

*Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 13 /7/2018 của HĐND huyện)*

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Thị trấn Long Thành	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		Hội trại tòng quân	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>
2	Bình An	Hội trại tòng quân	7.000.000
		Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>
3	Bình Sơn	Hội trại tòng quân	7.000.000
		Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>
4	An Phước	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		Hội trại tòng quân	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>
5	Tân Hiệp	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		Hội trại tòng quân	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>
6	Phước Bình	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		Hội trại tòng quân	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>
7	Long An	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		Hội trại tòng quân	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>
8	Bàu Cạn	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		Hội trại tòng quân	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>
9	Long Phước	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		Hội trại tòng quân	7.000.000
		Kiến toàn thêm 6 tổ nhân dân trên địa bàn xã theo QĐ 59/QĐ-UBND	21.600.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>35.600.000</b>
10	Lộc An	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		Hội trại tòng quân	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>
11	Cẩm Đường	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		Hội trại tòng quân	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>
12	Phước Thái	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		Hội trại tòng quân	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>
13	Suối Trầu	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		Hội trại tòng quân	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>

14	Long Đức	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		Hội trại tòng quân	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>
15	Tam An	Kinh phí học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng	7.000.000
		Hội trại tòng quân	7.000.000
		<b>Tổng cộng</b>	<b>14.000.000</b>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>231.600.000</b>